TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Phạm Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025; về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị O, sinh ngày 01/01/1991 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh Thạch Đ, sinh ngày 04/02/1990 "vắng mặt".

Địa chỉ: số A, Khóm A, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Sơn Thị O trình bày:

- Về hôn nhân: chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, nên chị Sơn Thị O yêu cầu ly hôn với anh Thạch Đ.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ có 02 người con chung tên Thạch Thị Diễm H, sinh ngày 22/11/2012 và Thạch Thị

Ngọc H1, sinh ngày 25/02/2015. Hiện nay cháu H và H1 đang sống chung với chị Sơn Thị O. Chị Sơn Thị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu H1 cho đến khi cháu H và cháu Hà thành N. Chị Sơn Thị O không yêu cầu anh Thạch Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Sơn Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Thạch Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ), nên anh Thạch Đ đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị O. Anh Thạch Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Sơn Thị O.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Thạch Đ tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng anh Thạch Đ vắng mặt không có lý do và anh Thạch Đ cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn chị Sơn Thị O thì chị Sơn Thị O kiện anh Thạch Đ là bị đơn cư trú tại số A, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, Khóm A, phường V, thành phố Cần Thơ), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Sơn Thị O khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Thạch Đ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Sơn Thị O là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Sơn Thị O.

[1.4] Anh Thạch Đ là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Thạch Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị Sơn Thị O yêu cầu được ly hôn; anh Thạch Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Sơn Thị O.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Sơn Thị O yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị Sơn Thị O được ly hôn với anh Thạch Đ.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ có 02 người con chung tên Thạch Thị Diễm H, sinh ngày 22/11/2012 và Thạch Thị Ngọc H1, sinh ngày 25/02/2015. Từ khi chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ sống ly thân cho đến nay chị Sơn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Chị Sơn Thị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu H1; anh Thạch Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Sơn Thị O.

Xét thấy: từ khi chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ sống ly thân cho đến nay chị Sơn Thị O là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Hiện nay cháu H và cháu H1 đang có cuộc sống ổn định cùng với chị Sơn Thị O, nguyện vọng của cháu H và cháu H1 cũng yêu cầu được sống chung với chị Sơn Thị O, anh Thạch Đ không có ý kiến phản đối, nên việc chị Sơn Thị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu H1 là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu H1, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Sơn Thị O, xử giao cháu H và cháu H1 cho chị Sơn Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu Hà thành N. Do chị Sơn Thị O không yêu cầu anh Thạch Đ cấp dưỡng nuôi con, nên anh Thạch Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Thạch Đ, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ có tài sản chung, nhưng chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có nợ chung, chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Sơn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Sơn Thị O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001553 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy chị Sơn Thị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Thạch Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị O.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Sơn Thị O được ly hôn với anh Thạch Đ.

2. Về con chung: giao 02 cháu Thạch Thị Diễm H, sinh ngày 22/11/2012 và Thạch Thị Ngọc H1, sinh ngày 25/02/2015 cho chị Sơn Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H cháu Hà thành N. Anh Thạch Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Thạch Đ không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Sơn Thị O và anh Thạch Đ không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Sơn Thị O phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Sơn Thị O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001553 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy chị Sơn Thị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Thạch Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Sơn Thị O và bị đơn anh Thạch Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND phường Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo